

BÁO CÁO THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG, GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ
REPORT ON CHANGE OF NET ASSET VALUE, TRADING OF FUND CERTIFICATE

Từ ngày 15 tháng 04 tới ngày 21 tháng 04 năm 2020 / From 15 Apr to 21 Apr 2020

Tên Công ty quản lý quỹ:
Fund Management Company:**Tên ngân hàng giám sát:**
Supervising bank:**Tên Quỹ:**
Fund name:**Ngày lập báo cáo:**
Reporting Date:**Công ty TNHH MTV Quản Lý Quỹ Chubb Life**
Chubb Life Fund Management Company Limited**Ngân hàng TNHH một thành viên Standard Chartered (Việt Nam)**
Standard Chartered Bank (Vietnam) Ltd.**Quỹ Đầu tư Trái phiếu Mở rộng Chubb (CBPF)**
Chubb Bond Plus Fund (CBPF)**22 tháng 04 năm 2020**
22-Apr-20

STT No	Nội dung Item	Mã số Code	Kỳ báo cáo This period	Kỳ trước Last period
I	I. Giá trị tài sản ròng của Quỹ mở (NAV) đầu kỳ Net Asset Value (NAV) at the beginning of period	4060	104,860,087,771	104,760,795,773
II	II. Thay đổi NAV so với kỳ trước (= II.1 + II.2), trong đó: Change of NAV during the period (= II.1 + II.2), of which:	4061	101,752,280	99,291,998
II.1	II.1 Thay đổi NAV do biến động thị trường và hoạt động giao dịch của Quỹ mở trong kỳ <i>Changes of NAV due to market fluctuation and the fund's investment during the period</i>	4062	101,752,280	99,291,998
II.2	II.2 Thay đổi NAV do phân chia Lợi nhuận/Tài sản của Quỹ mở cho Nhà đầu tư trong kỳ <i>Change of NAV due to profit distribution to investors during the period</i>	4063	-	-
III	III. Thay đổi NAV do mua lại, phát hành thêm Chứng chỉ quỹ (= III.1 + III.2) Change of NAV due to redemption, subscription of Fund Certificate (= III.1 + III.2)	4064	5,000,000	-
III.1	III.1 Khoản thu từ việc phát hành bổ sung Chứng chỉ quỹ <i>Increase from Subscription of Fund Certificate</i>	4065	5,000,000	-
III.2	III.2 Khoản thanh toán từ việc mua lại Chứng chỉ quỹ <i>Decrease from Redemption of Fund Certificate</i>	4066	-	-
IV	IV. Giá trị tài sản ròng của Quỹ mở cuối kỳ (= I + II + III) NAV at the end of period (= I + II + III)	4067	104,966,840,051	104,860,087,771
	Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ cuối kỳ NAV per unit at the end of period	4067.1	10,436.28	10,426.16

Đại diện có thẩm quyền của Ngân hàng giám sát
Authorised Representative of Supervisory Bank**Đại diện có thẩm quyền của Công ty quản lý Quỹ**
Authorised Representative of Fund Management Company**Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam)**
Bùi Thị Huyền Trang
Cán bộ Quản lý Nghiệp vụ Dịch vụ Chứng khoán**Công ty TNHH MTV Quản Lý Quỹ Chubb Life**
Bùi Thanh Hiệp
Phó Chủ tịch Công ty